CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đại Việt Group DVG

Ngày 31/12/2025	1,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**14.3%**	**14.3%**

DT thuần
Q4/25
10.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼86.3| -89.6%
YoY: ▼52.9| -84.1%

LN thuần
Q4/25
-0.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.22| 43.7%
YoY: ▼0.66| -178%

LN sau thuế
Q4/25
-0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.36| 55.6%
YoY: ▼0.70| -168%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-0.9%
YoY: +/-▼ 1.7%

ROE
2025
-0.6%
YoY: +/-▼ 1.0%

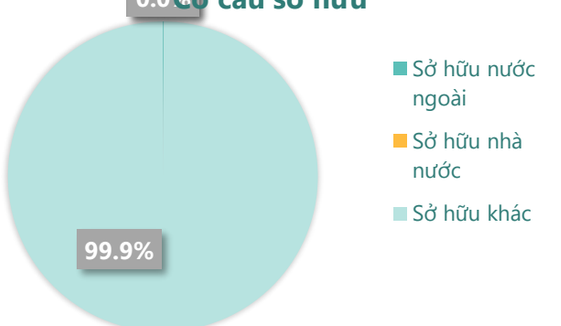
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,100 - 2,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
Số lượng CPLH (CP)	28,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,470
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.06)
EPS	-72
P/E	-22.2

DT thuần
2025
209
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.0| 19.6%

LN thuần
2025
-1.90
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.25| -192%

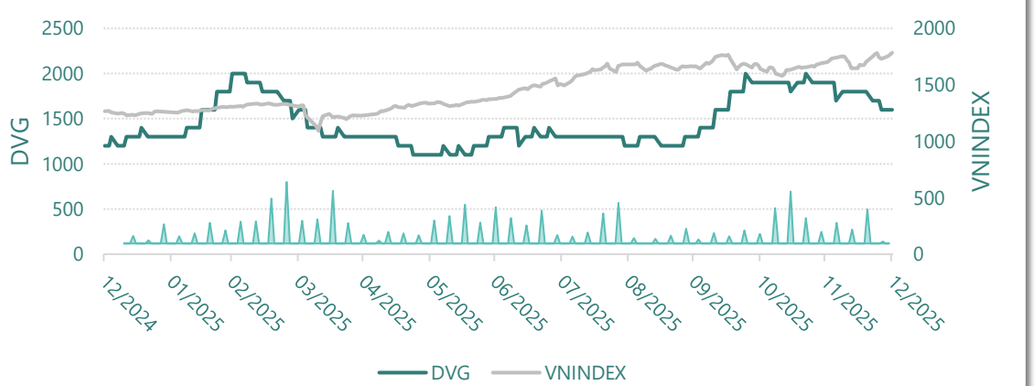
LN sau thuế
2025
-2.03
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.19| -275%

Cơ cấu sở hữu

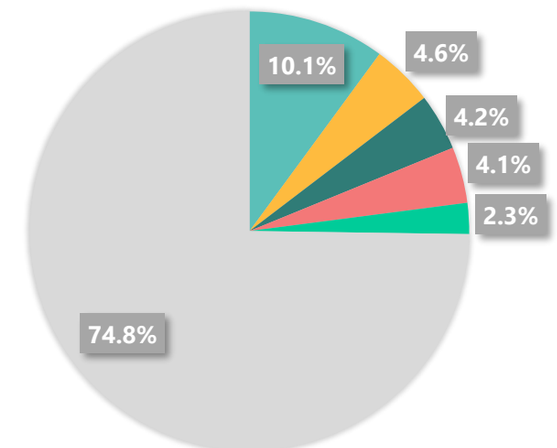


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

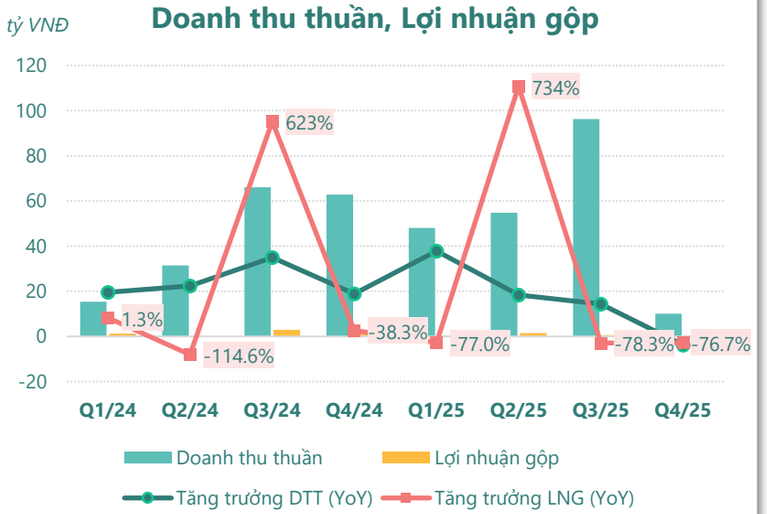


Trần Thị Trinh
Nguyễn Thị Nga
Lê Anh Tài
Hoàng Thị Mai Quỳnh
Nguyễn Văn Báo
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

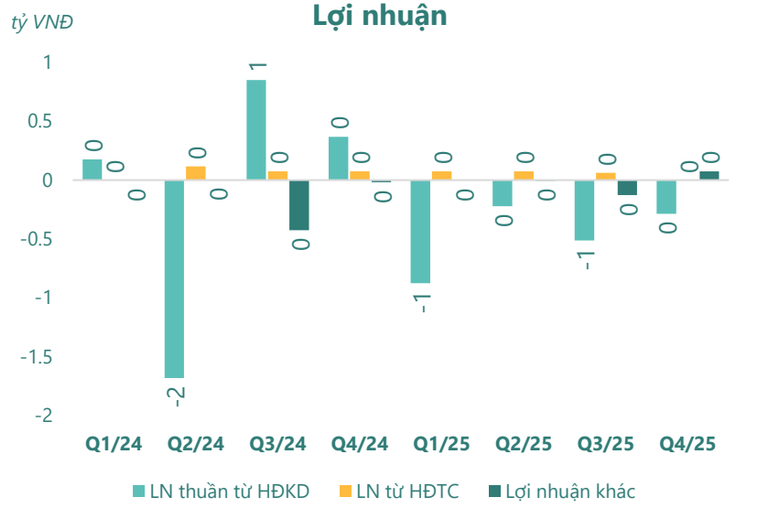
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



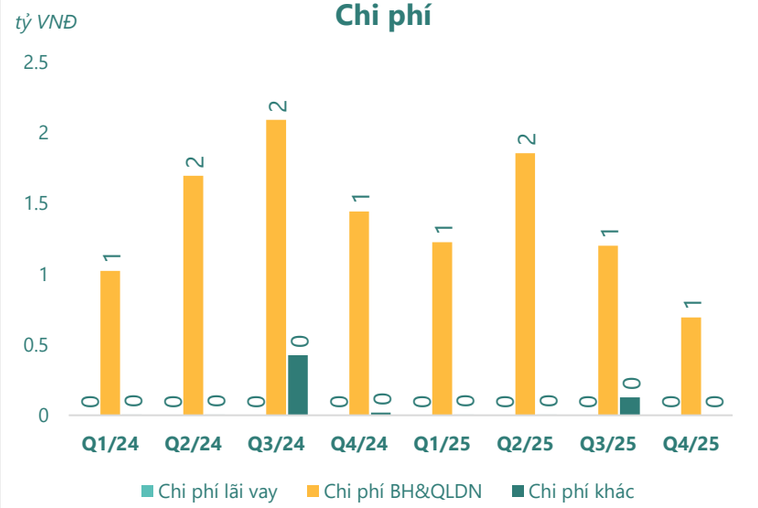
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



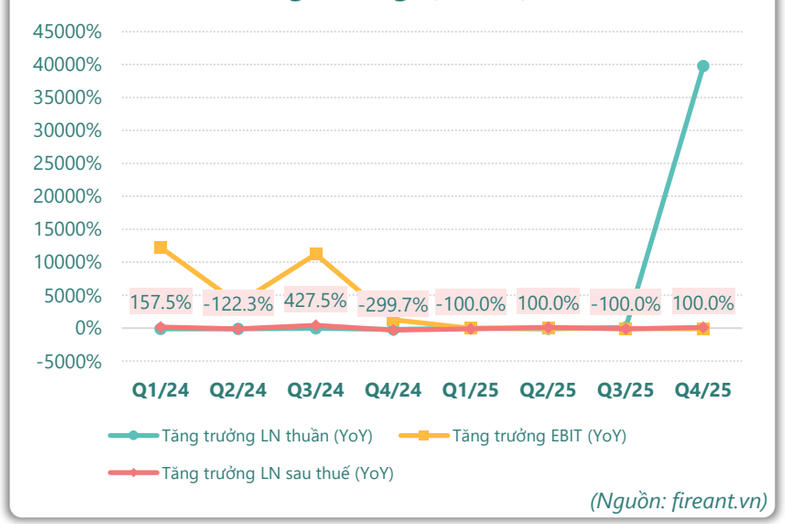
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



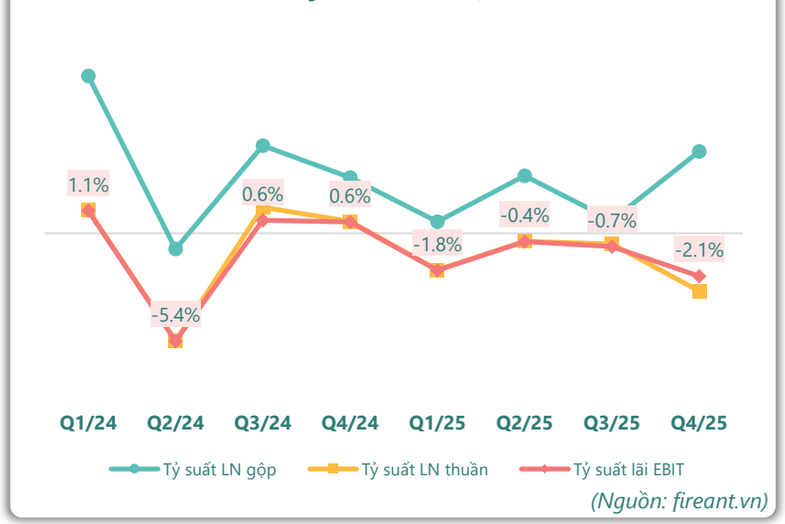
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



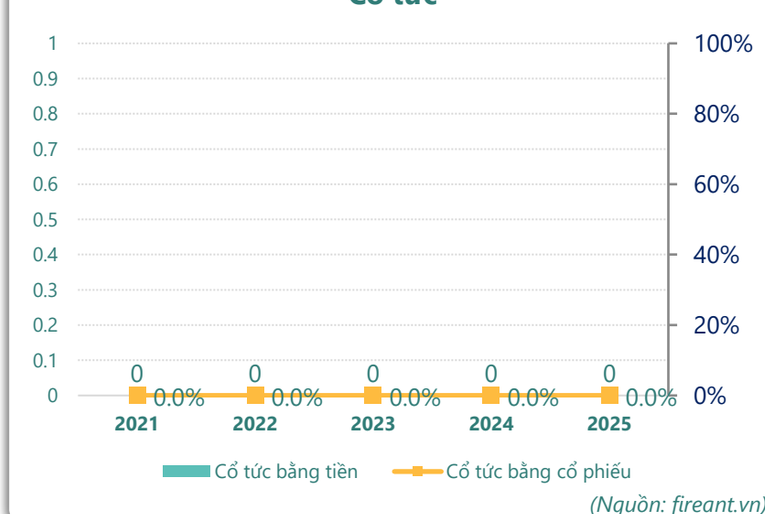
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

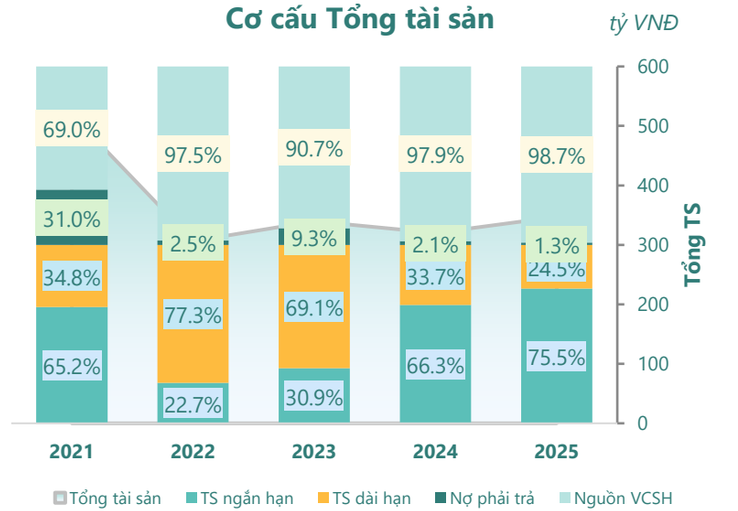
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

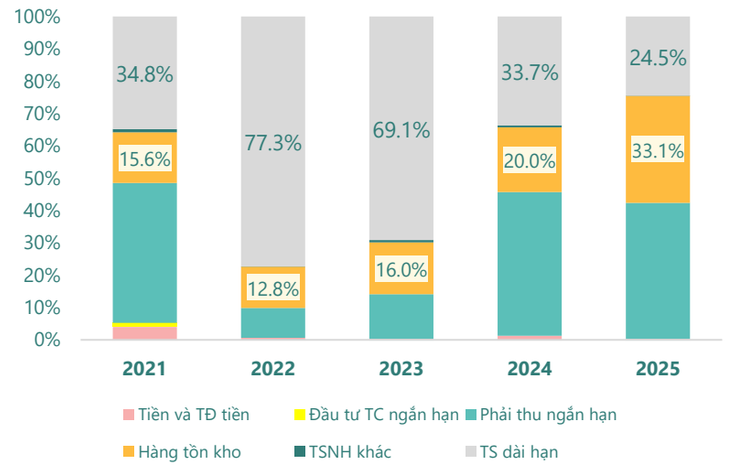
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



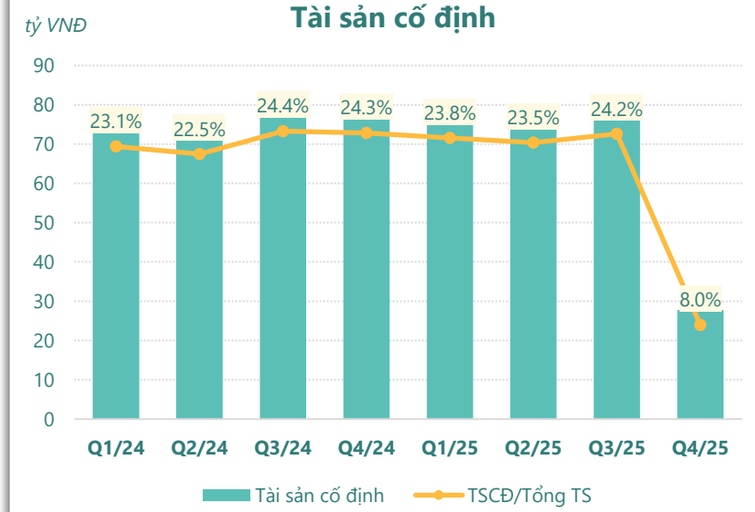
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



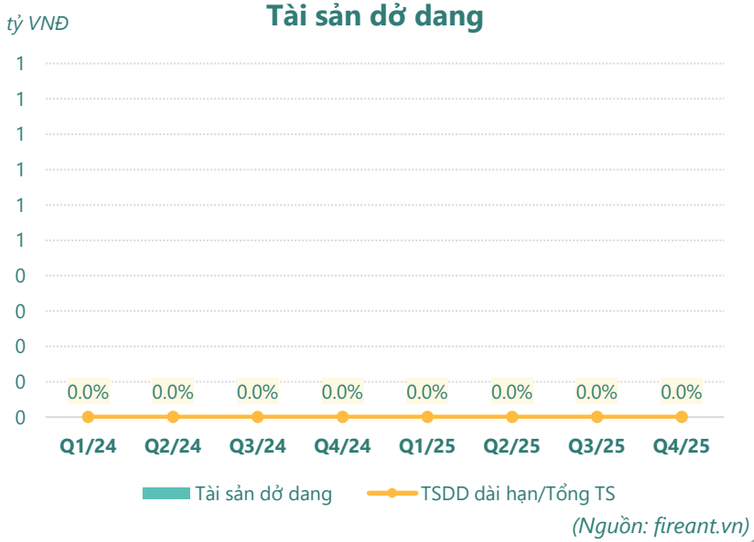
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



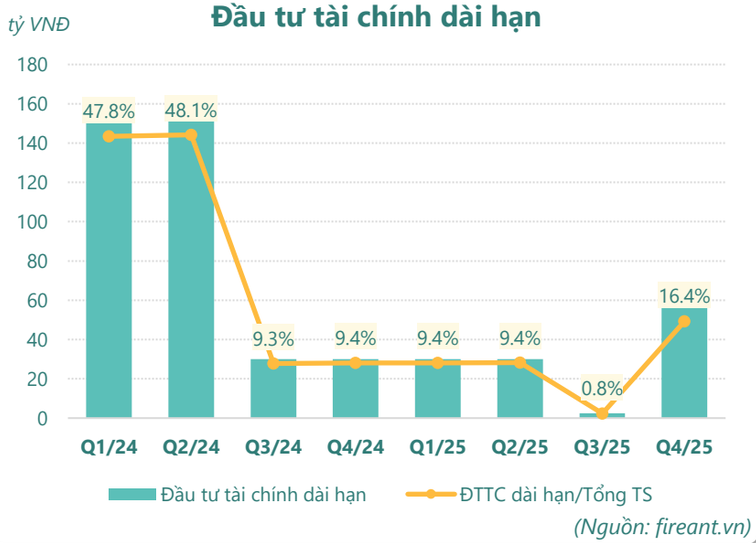
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



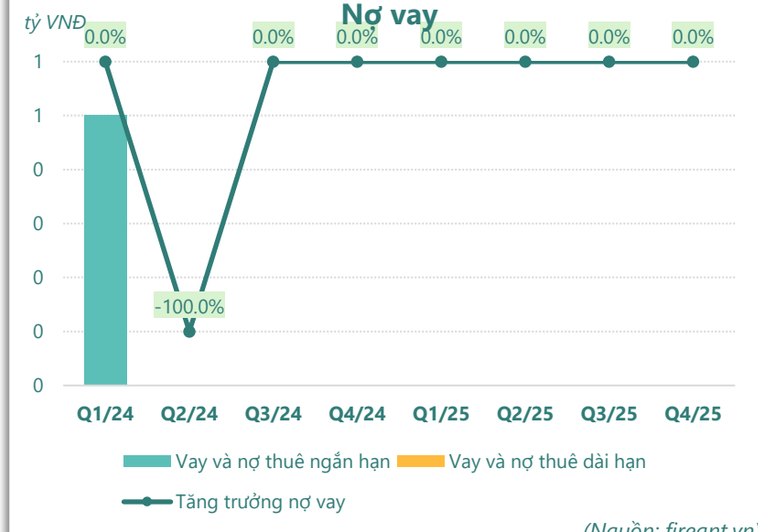
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

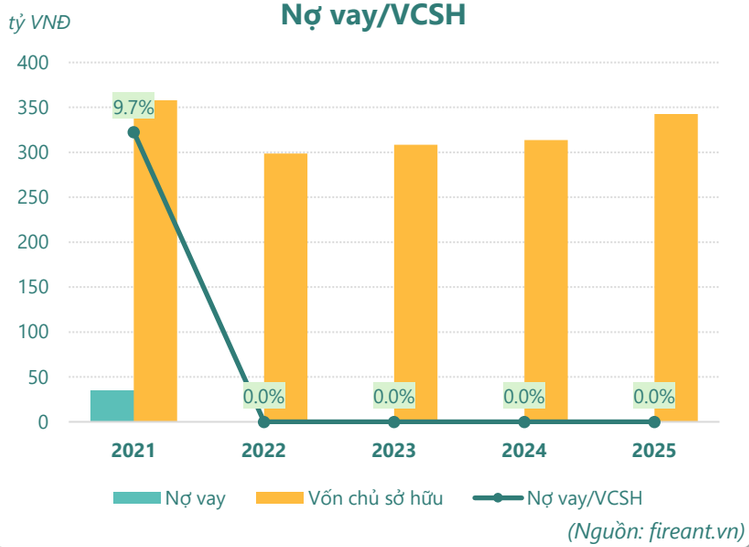
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

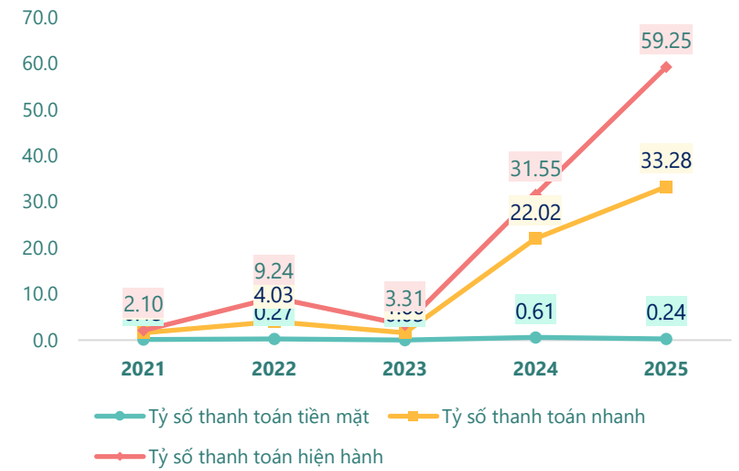
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



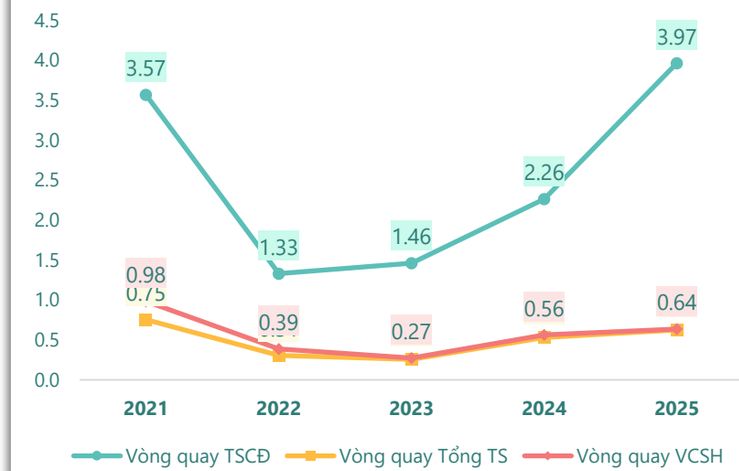
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



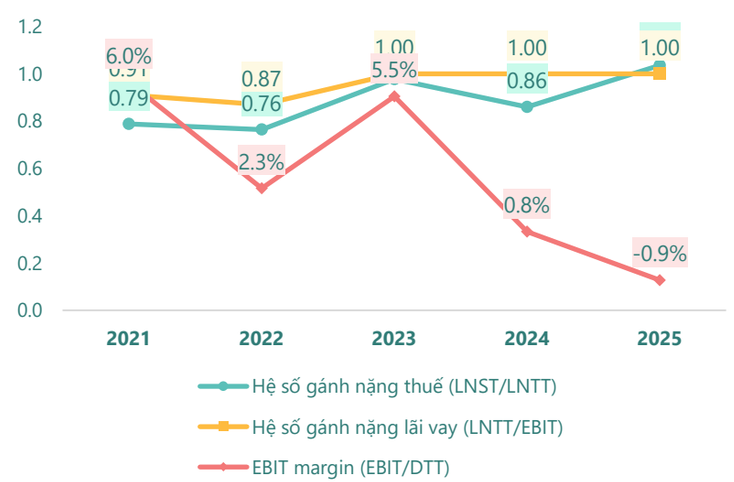
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



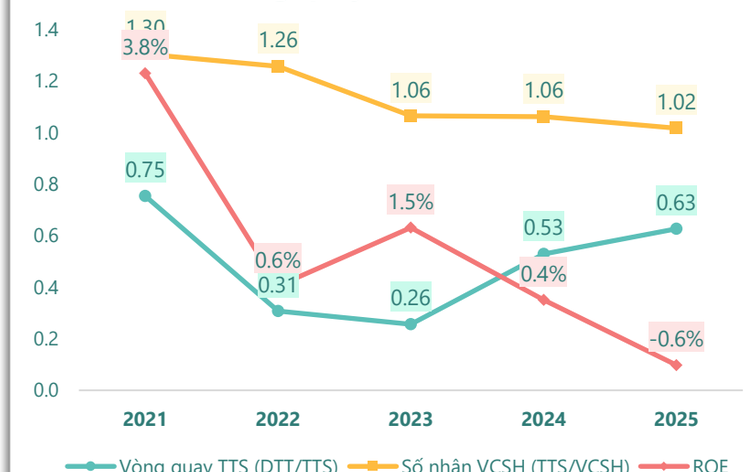
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



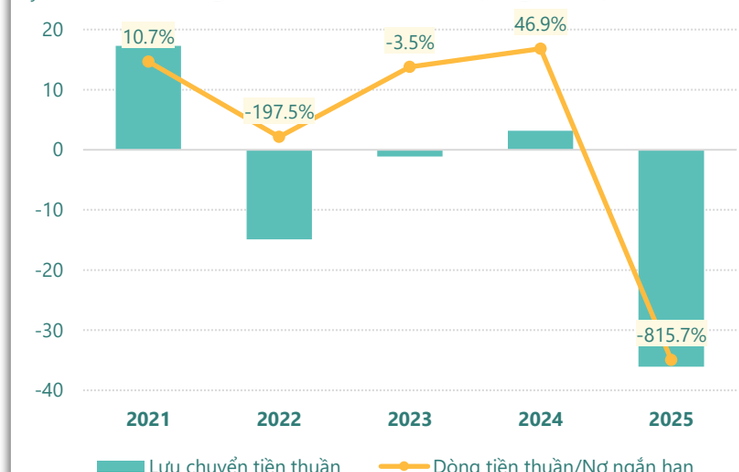
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.0**	**62.9**	**-84.1%**	**209**	**175**	**19.6%**
Giá vốn hàng bán	9.61	61.1	-84.3%	206	169	21.7%
Lợi nhuận gộp	0.41	1.74	-76.7%	2.87	5.31	-46.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.08	-100.0%	0.21	0.27	-20.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**	**0.03**	**-105%**
Chi phí bán hàng	0.55	0.98	-43.5%	3.14	3.89	-19.4%
Chi phí QLDN	**0.14**	**0.46**	**-69.7%**	**1.84**	**2.37**	**-22.2%**
LN thuần từ HĐKD	-0.29	0.37	-178%	-1.90	-0.65	-192%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**-0.02**	**467%**	**-0.06**	**2.00**	**-103%**
LN trước thuế	-0.21	0.35	-161%	-1.96	1.35	-245%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.28**	**0.42**	**-168%**	**-2.03**	**1.16**	**-275%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.28**	**0.42**	**-168%**	**-2.02**	**1.18**	**-272%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	156	-2.56	-4.76	-11.6	-63.6	-115
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.3	2.50	4.94	11.6	64.2	78.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-130	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.98	4.16	4.11	4.29	4.25	4.82
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.25**	**-0.06**	**0.18**	**-0.04**	**0.57**	**-36.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.16	4.11	4.29	4.25	4.82	1.06

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**347**	**320**	**8.4%**
Tài sản ngắn hạn	262	212	23.4%
Tiền và tương đương tiền	1.06	4.11	-74.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	146	142	2.7%
Hàng tồn kho	115	64.2	79.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	1.90	-93.2%
Tài sản dài hạn	**85.0**	**108**	**-21.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.7	77.7	-64.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	57.0	30.0	89.8%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0.23	0	
Nợ phải trả	4.50	6.73	-33.3%
Nợ ngắn hạn	**4.42**	**6.73**	**-34.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.92	3.97	-26.4%
Nợ dài hạn	0.07	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**343**	**313**	**9.3%**
Vốn chủ sở hữu	**343**	**313**	**9.3%**
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)